TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Lâm Giang
2. Ông: Nguyễn Quốc Sửu
- Thư ký phiên toà: bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024;Quyết định hoãn phiên tòa số 111/QĐST-DS, ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1991 (có mặt)
Địa chỉ. Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Dương Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Q vào ngày 03/11/2023 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Q về nhà anh làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, tư tưởng sống không hợp nhau. Vợ chồng thường xuyên sảy ra bất đồng mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh H đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh .

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị Q không đến làm việc. ông Nguyễn Hữu Q1 là bố đẻ chị Q có đến Tòa án trình bầy: Con gái ông là Nguyễn Thị Q đã nhận được thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do chị Q đi làm công ty bận không đến Tòa giải quyết việc ly hôn được. Ông Q1 cho biết chị Q kết hôn với anh H tháng 11 năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, sau khi kết hôn chị Q về nhà anh H làm dâu ngày, vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì bố mẹ anh H cùng anh H có đưa chị Q về nhà ông trả. Lý do không có tương lai. Ông và gia đình anh H đã găp nhau nói chuyện nhưng không có kết quả. Sau khi anh Q nộp đơn xin ly hôn ông có hỏi ý chị Q thì chị Q cho biết chị và anh H không có tình cảm nên không thể chung sống được chị đồng ý ly hôn. Con chung, chị Q, anh H không có con chung. Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không có. Do chị Q đi làm công ty bận hơn nữa sức khỏe không tốt chị Q trước đây có bị trầm cảm nhẹ, mới khỏi bệnh nên gia đình ông mong muốn Tòa án giải quyết cho chị Q và anh H ly hôn để chị Q yên tâm làm ăn.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải; không đến tham gia phiên toà.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Xử cho anh Dương Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh .

Về con chung, tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tiến án phí anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

Về quyền kháng cáo. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm iết bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Dương Văn H nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Thị Q; Xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn". Bị đơn chị Nguyễn Thị Q có nơi cư trú xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết chị Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, điều 227; Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Quỳnh .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn H kết hôn cùng với chị Nguyễn Thị Q vào ngày 03/11/2023 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Nay anh H xin ly chị Q, mặc dù chị Q không đến Toà án làm việc, nhưng qua lời khai của ông Q1 là bố đẻ chị Q xác nhận vợ chồng anh H, chị Q chung sống thời gian ngắn đã sảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị Q đã trầm trọng không thể hàn gắn. Mục đích hôn nhân không đạt được việc anh H xin ly hôn chị Q là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn ly hôn của anh Dương Văn H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Dương Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh .

[3] Về con chung: anh H. chị Q không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Dương Văn H. Xử cho anh Dương Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Q

2. Về tiền án phí: anh Dương Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0006889 ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND xã Song Vân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh